TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:147/2023/DS-ST
Ngày: 25- 09-2023
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2023/TLST-TCDS ngày 21 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định định đưa vụ án ra xét xử số 171/2023/QĐXXST-TCDS ngày 23 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984 và chị Trần Thị L, sinh năm 1988; cùng địa chỉ: Thôn Tế Xuyên 1, xã ĐX, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. "có mặt"

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Vũ T, sinh năm 1985 và chị Đoàn Thị Ánh D, sinh năm 1991; cùng địa chỉ: Xóm 12, xã HB, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Đoàn Thị Ánh D: Anh Nguyễn Vũ T. "chị D vắng mặt có lý do, anh T vắng mặt lần hai không lý do".

- *Người bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*: Bà Lại Thị Kim Anh – Luật sư Công ty Luật TNHH Vũ Trình. "có mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện,bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ, chị Trần Thị L thống nhất trình bày:*

Vợ chồng anh Nguyễn Vũ T, chị Đoàn Thị Ánh D và vợ chồng anh Đ, chị L có mối quan hệ họ hàng với nhau. Cuối năm 2021, anh T, chị D đến nhà đặt vấn đề với vợ chồng anh chị cần vốn để duy trì hiệu cầm đồ, do cuối năm khách cầm cố xe ô tô nhiều. Vì tin tưởng nên anh chị đã cho vợ chồng anh T, chị D vay tiền 05 lần, tổng số tiền là 1.580.000.000đ (Một tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng). Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 29/10/2021 vợ chồng anh chị cho anh T, chị D vay số tiền 500.000.000 đ (Năm trăm triệu đồng). Vợ chồng anh T, chi D viết giấy biên nhận vay tiền.

- Lần 2: Ngày 15/11/2021 vợ chồng anh chị chuyển qua tài khoản cho anh T, chị D vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

- Lần 3: Ngày 28/12/2021 vợ chồng anh chị chuyển qua tài khoản cho anh T, chị D vay số tiền 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng);

- Lần 4: Ngày 01/01/2022 vợ chồng anh chị chuyển qua tài khoản cho anh T, chị D vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng);

- Lần 5: Ngày 06/01/2022 vợ chồng anh chị chuyển qua tài khoản cho anh T, chị D vay số tiền 310.000.000đ (Ba trăm mười triệu đồng).

Khi vay tiền các bên tự thỏa thuận lãi suất 2% tháng, khi nào anh Đ, chị L cần tiền thì thông báo cho anh T, chị D trước từ 2-3 ngày để anh chị T, D chuẩn bị tiền. Từ khi vay cho đến nay, anh T, chị D mới trả cho anh chị được 20.000.000 đồng tiền lãi của số tiền vay 500.000.000 đồng vào khoảng tháng 11, tháng 12 năm 2021.

Do gia đình có việc cần tiền nên ngày 20/01/2022, anh Đ, chị L yêu cầu vợ chồng anh T, chị D trả nợ và sau đó nhiều lần đã Đn đốc, đòi nợ nhưng anh T, chị D cố tình trốn tránh, không gặp vợ chồng anh chị. Sau đó anh T có nhắn tin hứa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất mà vợ chồng anh T, chị D đang ở sang cho nguyên đơn nhưng từ đó đến nay vợ chồng anh T, chị D không trả tiền, cũng không làm thủ tục chuyển nhượng đất cho nguyên đơn. Nên để đảm bảo quyền lợi cho mình, tại đơn khởi kiện ban đầu, anh Nguyễn Văn Đ, chị Trần Thị L yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Nguyễn Vũ T và chị Đoàn Thị Ánh D trả nợ số tiền vay gốc là 1.580.000.000đ (Một tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi theo thỏa thuận phát sinh từ số tiền trên kể từ ngày 16/01/2022 đến nay.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa , anh Đ, chị L có lời khai thay đổi đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh Nguyễn Vũ T và chị Đoàn Thị Ánh D trả nợ số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) (đối với khoản vay ngày 29/10/2021); Buộc một mình anh Nguyễn Vũ T phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.080.000.000 đồng (một tỷ không trăm tám mươi triệu). Về lãi sau khi trừ đi số tiền lãi anh T, chị D đã trả trên tổng số tiền vay thì không đề nghị Tòa án yêu cầu vợ chồng anh T, chị L phải trả thêm lãi suất nữa.

Về vấn đề thỏa thuận chuyển nhượng đất giữa các bên, nguyên đơn cũng không đề cập, không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai ngày 09 tháng 8 năm 2023, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Anh T và chị L là anh em họ hàng. Giữa vợ chồng anh T và vợ chồng anh Đ, chị L có quan hệ vay mượn làm ăn với nhau, cụ thể ngày 29-10-2021 vợ chồng anh T, chị D vay của nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), các bên thỏa thuận lãi suất là 1.000 đồng/triệu/ngày. Anh T, chị D đã trả lãi cho anh Đ, chị L được tháng 11, tháng 12 năm 2021, mỗi tháng 15.000.000 đồng. Sau đó do làm ăn thua lỗ, vỡ nợ nên anh T không có tiền để trả cho nguyên đơn nữa.

Nay anh Đ, chị L khởi kiện, theo anh T quan hệ tranh chấp giữa anh Đ, chị L và vợ chồng anh là "Tranh chấp Hợp đồng vay tiền" mà không phải "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" vì anh chị chỉ vay tiền chứ không phải tài sản. Anh T xin được cùng vợ là chị D có trách nhiệm trả dần cho nguyên đơn số nợ gốc là 500.000.000 đồng, về tiền lãi đề nghị vợ chồng anh Đ, chị L không tính lãi vì hoàn cảnh của anh chị hiện nay cũng khó khăn. Về các lần chuyển khoản anh T cho rằng việc các bên làm ăn chuyển khoản cho nhau là bình thường, anh T có ý kiến về vấn đề này anh sẽ có ý kiến sau.

Anh T xin được nhận ủy quyền cho chị D, thay chị D giải quyết vụ án tại Tòa án.

** Tại Bản tự khai ngày 15 tháng 8 năm 2023, bị đơn là chị Đoàn Thị Ánh D trình bày:*

Chị D có lời khai thống nhất với anh T về việc vay vợ chồng anh Đ, chị L số nợ gốc là 500.000.000 đồng. Chị D xin được cùng anh T có trách nhiệm trả dần cho nguyên đơn số nợ gốc này, về tiền lãi đề nghị vợ chồng anh Đ, chị L không tính lãi nữa vì hoàn cảnh của anh chị hiện nay cũng khó khăn.

Về số tiền anh Đ, chị L khai chuyển khoản qua Ngân hàng cho anh T vào các ngày 15/11/2021, ngày 28/12/2021, 01/01/2022, 06/01/2022, chị D không biết gì về sự việc này. Do vậy, chị D không liên quan đến sự việc này.

Vì bận công việc và con nhỏ, chị D xin được vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên xét xử của Tòa án. Chị xin ủy quyền cho anh T thay chị tham gia giải quyết vụ án.

** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn – Luật sư Lại Thị Kim Anh ý kiến:* Có quan điểm thống nhất với ý kiến của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định pháp luật xem xét bảo vệ quyền lợi cho vợ chồng anh Đ, chị L.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án, xác minh tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tống đạt các quyết định tố tụng khác. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Một số đương sự còn chưa đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa chấp hành đầy đủ quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ, chị Trần Thị L. Buộc vợ chồng anh Nguyễn Vũ T và chị Đoàn Thị Ánh D có nghĩa vụ trả cho vợ chồng anh Đ, chị L số nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); Buộc một mình anh Nguyễn Vũ T phải trả cho nguyên đơn số tiền là 1.080.000.000 đồng (một tỷ không trăm tám mươi triệu). Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh T, chị D nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn Đ, chị Trần Thị L khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Vũ T, chị Đoàn Thị Ánh D về số tiền vay. Theo quy định tại khoản 1 Điều 105 Bộ luật Dân sự được xác định là quan hệ "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xóm 12, xã Hải Bắc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Vũ T vắng mặt lần hai không lý do, chị Đoàn Thị Ánh D vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho anh T, đồng thời vắng mặt theo ý kiến xin vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị D.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về số nợ gốc:

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh Đ, chị L đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh Nguyễn Vũ T và chị Đoàn Thị Ánh D cùng có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); Buộc một mình anh Nguyễn Vũ T phải trả cho nguyên đơn số tiền là 1.080.000.000 đồng (một tỷ không trăm tám mươi triệu).

Đối với số tiền vay 500.000.000 đồng: Anh T, chị D cùng công nhận còn nợ anh Đ, chị L số tiền nợ gốc trên là đúng. Đây là sự kiện được các đương sự thừa nhận, không cần chứng minh, được thể hiện bằng Giấy vay tiền ngày 29/10/2021. Căn cứ quy định Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, có cơ sở khẳng định anh Nguyễn Vũ T, chị Đoàn Thị Ánh D nợ vợ chồng anh Nguyễn Văn Đ, chị Trần Thị L số tiền 500.000.000 đồng là đúng.

Đối với số tiền chuyển khoản 1.080.000.000 đồng, vợ chồng anh Đ đề nghị anh T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn thì thấy: Qua các chứng từ được sao kê tại Ngân hàng mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án, tài liệu Tòa án xác minh tại cơ quan có thẩm quyền, đơn vị liên quan thì việc chị Trần Thị L chuyển khoản cho anh T tổng số tiền 1.080.000.000 đồng là sự việc có thật. Chị L chuyển khoản vào số tài khoản 13869617 tại Ngân hàng Á Châu cho tài khoản NGUYEN VU TU. Qua xác minh tại Ngân hàng Á Châu thì chủ tài khoản 13869617, tên Nguyễn Vũ T có số Chứng minh nhân dân 162719316. Xác minh tại Công an thì người có số Chứng minh nhân dân 162719316 nay có số Căn cước công dân 036191023871 là anh Nguyễn Vũ T, sinh năm 1985, nơi cú trú tại xóm 12, xã Hải Bắc. Như vậy, có cơ sở khẳng định, từ ngày 15/11/2021 đến ngày 06/01/2022, chị L chuyển khoản cho anh T 04 lần vào các ngày 15/11/2021 số tiền 200.000.000 đồng, ngày 28/12/2021 số tiền 270.000.000 đồng, ngày 01/01/2022 số tiền 300.000.000 đồng, ngày 06/01/2022 số tiền 310.000.000 đồng. Anh T không phủ nhận các lần chị L chuyển tiền qua tài khoản cho anh T bởi anh T cho rằng việc các bên làm ăn chuyển khoản cho nhau là bình thường, anh T có ý kiến về vấn đề này anh sẽ có ý kiến sau. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T vắng mặt không lý do, không trình bày gì thêm cũng không giao nộp tài liệu gì khác cho Tòa án. Như vậy, việc chị L khai nhận chuyển khoản cho anh T số tiền 1.080.000.000 đồng là có thật và vì vậy anh Đ, chị L yêu cầu Tòa án buộc anh T phải có trách nhiệm trả lại cho anh Đ, chị L số tiền 1.080.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về tiền lãi: Chị L, anh Đ không có yêu cầu anh T, chị D trả thêm về lãi suất, bị đơn không có đề nghị gì về lãi suất, đề nghị nguyên đơn miễn lãi còn lại nên về phần lãi, HĐXX không xem xét giải quyết.

Từ những căn cứ lý lẽ nêu trên cần buộc anh Nguyễn Vũ T và chị Đoàn Thị Ánh D cùng có nghĩa vụ trả cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Đ, chị Trần Thị L số

nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); Buộc anh Nguyễn Vũ T phải trả cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Đ, chị Trần Thị L số tiền là 1.080.000.000 đồng (một tỷ không trăm tám mươi triệu) là phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì yêu cầu của anh Đ, chị L được chấp nhận nên anh T, chị D có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ, chị Trần Thị L.

1.1. Buộc anh Nguyễn Vũ T và chị Đoàn Thị Ánh D cùng có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Đ, chị Trần Thị L số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng);

1.2. Buộc anh Nguyễn Vũ T phải trả cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Đ, chị Trần Thị L số tiền nợ gốc là 1.080.000.000 đồng (một tỷ không trăm tám mươi triệu đồng).

Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

- Anh Nguyễn Vũ T, chị Đoàn Thị Ánh D phải liên đới nộp 24.000.000 đồng (Hai mươi tư triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản nợ chung vợ chồng.

- Anh Nguyễn Vũ T phải nộp 44.400.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản nợ phải trả riêng.

- Trả lại anh Nguyễn Văn Đ và chị Trần Thị L số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Biên lai số 0002717 ngày 21/7/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hải Hậu.

3.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải Bắc;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng